

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 04 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 79/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V1 (V2)

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – Chức vụ: Trưởng phòng XLN KHCN02, theo văn bản ủy quyền số: 30/2025/UQN ngày 28/07/2025 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V1

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lường Hữu H, sinh năm: 1995
Địa chỉ: Tầng C, TTTM Thanh Hóa P, 2 Đại lộ L, Phường H, tỉnh Thanh Hóa

- **Bị đơn:**

Anh Lưu Xuân H1, sinh năm: 1986

Số căn cước công dân: 038086008822

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1995

Số căn cước công dân: 0381950101116

Cùng địa chỉ: Thôn Kỳ Ngãi, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ngân hàng TMCP V1, anh Lưu Xuân H1 và chị Nguyễn Thị T thống nhất anh Lưu Xuân H1 và chị Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP V1

tổng số tiền tính đến ngày 28/04/2026 là **3.744.151.099** đồng (Ba tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi một nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Trong đó tiền nợ gốc: **3.363.351.500** đồng; tiền nợ lãi trong hạn: **102.104.154** đồng; tiền nợ lãi quá hạn: **278.695.445** đồng);

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ: Ngày 25/05/2026, anh **Lưu Xuân H1** và chị **Nguyễn Thị T** sẽ có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP V1** số tiền **3.744.151.099** đồng (Ba tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi một nghìn không trăm chín mươi chín đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207216288322 ký ngày 13/10/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2502214993316 ký ngày 27/02/2025; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2402211843323 ký ngày 23/02/2024; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207216288087 ký ngày 06/10/2022.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 28/04/2026 anh **Lưu Xuân H1** và chị **Nguyễn Thị T** còn phải trả cho **Ngân hàng TMCP V1** tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207216288322 ký ngày 13/10/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2502214993316 ký ngày 27/02/2025; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2402211843323 ký ngày 23/02/2024; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207216288087 ký ngày 06/10/2022 trên số dư nợ gốc còn lại cho tới khi tất toán khoản vay.

Nếu anh **Lưu Xuân H1** và chị **Nguyễn Thị T** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận thì **Ngân hàng TMCP V1** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2207216288087 ký ngày 09/08/2022. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1240 tờ bản đồ số 06 – bản đồ địa chính **xã N** – tỷ lệ 1/2000, tọa lạc tại: **Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã V, tỉnh Thanh Hóa)** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AQ 176574, số vào sổ GCN: H 00293/QSĐĐ 1166/QĐ-UBND do **UBND huyện V, tỉnh Thanh Hóa** cấp ngày 31/07/2009; Đứng tên ông **Lưu Xuân B** và bà **Vũ Thị V**; ngày 25/11/2024 tại **Chi nhánh VPĐKKĐ huyện V, tỉnh Thanh Hóa** đã xác nhận chuyển nhượng cho ông **Lưu Xuân H1**.

2.3. Về án phí: Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh **Lưu Xuân H1** và chị **Nguyễn Thị T** phải chịu **53.441.510 đồng** (Năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn năm trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V1 được hoàn trả lại số tiền **51.976.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi một triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm Ngân hàng đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai số 0003079 ngày 17/11/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Hải